

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/HC-ST

Ngày 04-6-2021

V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ giải
phóng mặt bằng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy

Bà Nguyễn Thị Luyến

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Ngô Kiều Dâng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 59/2020/TLST-HC ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2021/QĐXXST-HC ngày 09 tháng 4 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 18/2021/QĐST-HC ngày 07/5/2021 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn P; địa chỉ: Số X đường N, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Bà Trịnh Thị D - Luật sư thuộc Công ty Luật H, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

- Người bị kiện: UBND quận K, Hải Phòng; địa chỉ: Số A đường C, phường T, quận K, Hải Phòng;

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Phan Lương T, Phó Chủ tịch UBND quận K (văn bản ủy quyền ngày 22/10/2020 của Chủ tịch UBND quận K); vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:* Ông Hoàng Văn B, Trưởng phòng Tài nguyên - Môi trường và ông Nguyễn Hải T, Chuyên viên Văn phòng HĐND và UBND quận K; có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Nguyễn Mạnh H; địa chỉ: Tổ Y khu phố Đ, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương; ủy quyền cho ông Nguyễn Văn P (theo giấy ủy quyền ngày 09/3/2020) đại diện; ông P có mặt, ông H vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Mạnh H, chị Nguyễn Thúy L, chị Nguyễn M (con ông Nguyễn Văn T, đã chết); do bà Phùng Thị T; địa chỉ: Số T đường H, phường B quận K, TP. Hải Phòng (mẹ đẻ) đại diện; đều vắng mặt.

+ Chị Lê Thị T, anh Lê Văn C và anh Lê Văn T; do ông Lê Duy T; địa chỉ: Đường M, phường D, quận L, Hải Phòng (bố đẻ) đại diện; vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị B; địa chỉ: Đường T, phường T, quận K, Hải Phòng; vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Duy T1 và anh Nguyễn Duy Q; địa chỉ: Đường K, phường N, quận K, Hải Phòng; vắng mặt

+ Bà Nguyễn Thị H; địa chỉ: Cư xá T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Văn L; địa chỉ: Đường X, khu phố U, phường H, quận T, TP. Hồ Chí Minh; vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Văn T; địa chỉ: Số H, ấp T, huyện T, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Bà Đỗ Thị Kim A và ông Đồng Văn N; địa chỉ: Số 334 Trần Nhân Tông, phường Nam Sơn, quận K, TP. Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện, lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

** Người khởi kiện trình bày:*

Bố mẹ ông Nguyễn Văn P là cụ Nguyễn Văn C và Trần Thị T sinh được 10 người con là Nguyễn Văn T2 (đã chết), Nguyễn Mạnh H, Nguyễn Thị H (đã chết), Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn Tuấn, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn Thu (đã chết); Nguyễn Thị Xuân (đã chết). Khi còn sống bố mẹ ông P tạo lập được khối tài sản chung là 01 căn nhà tại địa chỉ số 18 đường Đường T, phường T, quận K, Hải Phòng.

Năm 1976 cụ C chết, sau đó cụ Trần Thị T tái hôn với cụ Đỗ Văn Chính và sinh ra bà Đỗ Thị Kim A. Do bố mẹ ông P mất không để lại di chúc nên tất cả anh em trong gia đình thống nhất để ông Nguyễn Mạnh H đại diện cho anh chị em thờ cúng bố mẹ và quản lý tài sản do bố mẹ để lại. Lúc đó bà Đỗ Thị Kim A khó khăn về công việc và chỗ ở, các anh chị em trong gia đình đã họp bàn và đồng ý để cho gia đình bà Kim A ở nhờ, chung hộ khẩu do ông Nguyễn Mạnh H làm chủ hộ. Ngoài việc ở gia đình bà Kim A không được phép tự quyết bất cứ vấn đề gì liên quan tới nhà đất nói trên.

Đến năm 2019, UBND quận K thông báo thu hồi vào diện tích nhà đất tại số 18 Đường T để thực hiện dự án mở rộng nút giao thông Ngã 5. Tuy nhiên, hồ sơ thu hồi và bồi thường về đất chỉ ghi tên vợ chồng bà Kim A. Khi biết sự việc ông P và ông H đã làm đơn kiến nghị yêu cầu xác định lại đối tượng trong hồ sơ bồi thường khi thu hồi đất. UBND phường T và UBND quận K đã mời làm việc rất nhiều lần, nhưng khi sự việc chưa được giải quyết thì ngày 11/3/2020 UBND quận K ban hành quyết định số 335/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, để thực hiện dự án đầu tư, cải tạo, mở rộng nút giao thông Ngã 5 K và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ. Theo đó, quyết định này thu hồi 140m² đất thuộc thửa đất số 189+ (183-21), tờ bản đồ số 4-(5), tại số 18 Đường T và xác định hộ gia đình bà Đỗ Thị Kim A là chủ sử dụng đất, được chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ.

Ông P không có ý kiến gì về chủ trương thu hồi đất, đơn giá bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất. Tuy nhiên việc UBND quận K biết rõ nguồn gốc thửa đất của bố mẹ ông P nhưng chỉ căn cứ vào việc gia đình bà Kim A hiện đang ở trên thửa đất để ban hành quyết định thu hồi và bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất cho gia đình bà là không đúng quy định. Về phần hỗ trợ vật kiến trúc của UBND quận K cho bà Kim A thì ông không có ý kiến gì, vì sau khi mẹ ông P chết thì bà Kim A đã sửa chữa, xây dựng lại toàn bộ căn nhà. Đối với số tiền bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất, ông yêu cầu UBND quận K phải giao lại cho anh em ông quản lý.

Do đó, ông P đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng hủy quyết định thu hồi đất số 335/QĐ-UBND ngày 11/3/2020 của UBND quận K, đồng thời buộc UBND quận K ban hành quyết định thu hồi đất, xác định lại đối tượng bị thu hồi đất và nhận tiền bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất tại số 18 Đường T cho các con của hai cụ Nguyễn Văn C và Trần Thị T theo đúng quy định của pháp luật.

** UBND quận K trình bày:*

Về nguồn gốc thửa đất: Căn cứ hồ sơ địa chính được năm 1999: Thửa đất số 189 tờ bản đồ số 4-(5) diện tích 111.2m², chủ sử dụng đất là Trần Thị T, theo bản đồ địa chính và hồ sơ kỹ thuật thửa đất ghi mục đích sử dụng đất ở, theo sổ mục kê năm 1997 ghi mục đích sử dụng *đất chuyên dùng khác*; thửa đất số 183 tờ bản đồ số 4-(5), diện tích 6006.8m² là đất hoang bằng do UBND phường quản lý.

Diễn biến quá trình sử dụng đất: Đất có nguồn gốc là đất ở của gia đình cụ Trần Thị T và cụ Nguyễn Văn C sử dụng từ năm 1973. Sau khi cụ C chết năm 1976, cụ T sinh sống quản lý, sử dụng thửa đất. Năm 1984, khi thực hiện dự án rạp chiếu bóng, nhà nước đã trưng dụng đất của hộ gia đình cụ T tại số 18 Đường T, cụ T đã nhận đất di chuyển và tiền đền bù năm 1986. Tuy nhiên do dự án rạp chiếu bóng không tiếp tục thực hiện, nhà nước không ban hành quyết định thu hồi đất để quản lý. Do vậy, gia đình cụ T không di chuyển đến nơi ở mới mà tiếp tục sử dụng nhà đất. Cụ T chết năm 2004, bà Đỗ Thị Kim A (con riêng của cụ T với cụ Nguyễn Văn C) tiếp tục quản lý, sử dụng nhà đất. Ngày 20/3/2020, bà Đỗ Thị Kim A cung cấp tờ khai nhà đất ngày 05/11/1991 ghi diện tích 100 m², đã được UBND phường T xác nhận ngày 07/12/1991 và thông báo về việc nộp tiền đất quý 4 năm 1992.

Về hiện trạng sử dụng đất: Diện tích theo đo vẽ mới là 140 m² nằm trong chỉ giới thu hồi. Trong đó: Diện tích 100.0m² sử dụng từ năm 1973; 11.2 m² sử dụng sau năm 1992 đến trước ngày 15/10/1993 thuộc thửa đất số 189, tờ bản đồ số 301591-4-5; 28.8 m² do gia đình bà Kim A đã tự coi nói sử dụng năm 1999 đến trước ngày 01/7/2014 thuộc thửa đất số 183, tờ bản đồ 301591-4-5; tài sản gắn liền với đất là nhà cấp IV mái tôn xây dựng từ năm 1976 đến năm 2004 có sửa chữa lại.

Ngày 11/3/2020, UBND quận K ban hành quyết định thu hồi đất số 335/QĐ-UBND và quyết định số 336/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ cho hộ bà Đỗ Kim A, khi nhà nước thu hồi đất thu hồi 140 m² đất nói trên, để thực hiện dự án đầu tư cải tạo, mở rộng nút giao thông ngã 5 K. Trong đó: 112 m² đất sử dụng từ trước năm 1980 đã nhận tiền di chuyển, nhận tiền đền bù năm 1984-1986 không được bồi thường; 28,8m² đất sử dụng từ sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004 được hỗ trợ 311.040.000đ. Đến ngày 07/8/2020, UBND quận K ban hành quyết định số 1313/QĐ-UBND về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất với diện tích 11,2 m² sử dụng đất trước ngày 15/10/1993 cho hộ bà Đỗ Thị Kim A, ông Nguyễn Mạnh H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về đất là 302.400.000đ; bồi thường hỗ trợ vật kiến trúc là 8.881.126 đồng.

Như vậy, việc UBND quận K ban hành quyết định số 335/QĐ-UBND ngày 11/3/2020 về việc thu hồi đất đối với hộ bà Đỗ Kim A và chi trả chi phí bồi thường hỗ trợ cho hộ bà Đỗ Kim A là đúng theo quy định và đề nghị bác đơn của người khởi kiện.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Đỗ Kim A và ông Đồng Văn N không phản đối lời khai của người khởi kiện về nguồn gốc ban đầu của nhà đất tại số 18 Đường T và các người con được hưởng thừa kế của cụ T, đồng thời trình bày thêm:*

Bà Kim A là con cụ Trần Thị T và cụ Đỗ Văn C (cụ C không ở trên mảnh đất này), đã ăn ở trên mảnh đất này từ bé đến nay. Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án rạp chiếu bóng, cụ T đã nhận đất tại chỗ ở mới và tiền đền bù, nhưng đã bán đất đi mua 01 mảnh đất khác (hiện ông P đang sử dụng), còn tiền chia cho các con, riêng bà Kim A còn nhỏ nên không được chia. Do dự án rạp chiếu bóng không tiếp tục thực hiện nên cụ T vẫn tiếp tục ăn ở sinh sống tại đó cùng với bà Kim A, các anh chị em khác đều trưởng thành ra ở riêng. Sau khi cụ T mất thì bà Kim A quản lý, sử dụng nhà đất và đã phá bỏ nhà cũ để xây mới, đồng thời có coi nói, lấn chiếm một phần đất phía sau có diện tích khoảng 40m² để sử dụng.

Năm 2019, UBND quận K tiến hành thu hồi mảnh đất trên để thực hiện dự án đầu tư cải tạo mở rộng nút giao thông ngã 5 K. Gia đình bà Kim A đồng ý với việc thu hồi đất, ban hành các quyết định phê duyệt phương án bồi thường của UBND quận K và đã bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án. Trong quá trình thu hồi đất, UBND quận K đã mời các anh chị em trong gia đình bà Kim A lên để giải thích về việc bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi mảnh đất, nhưng có một số anh chị em trong gia đình không đồng ý và đã khởi kiện ra tòa án.

Quan điểm của bà Kim A là tài sản và đất của cụ T đã bị thu hồi và được bồi thường năm 1984. Phần tài sản và đất còn lại là do bà Kim A trong quá trình sinh sống đã cải tạo, xây dựng, coi nói nên UBND quận K ra quyết định thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ cho bà Kim A là đúng.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Mạnh H; anh Nguyễn Mạnh H, chị Nguyễn Thúy L, chị Nguyễn M (do bà Phùng Thị T đại diện); bà Nguyễn Thị H; ông Nguyễn Văn L; ông Nguyễn Văn T đồng ý với quan điểm của ông Nguyễn Văn P. Bà Nguyễn Thị B; anh Nguyễn Duy T và anh Nguyễn Duy Q không có ý kiến gì.*

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày quan điểm:* Nhà đất tại số 18 Đường T là của Cụ C và cụ T tạo lập từ năm 1973, nên sau khi 2 cụ mất không để lại di chúc sẽ chuyển thành di sản thừa kế. UBND quận K ban hành quyết định thu hồi đất số 335/QĐ-UBND cho riêng hộ gia đình bà Kim A là xâm phạm quyền lợi của các đồng thừa kế khác. Mặc dù người khởi kiện đã có đơn kiến nghị gửi từ trước khi UBND quận K ban hành quyết định thu hồi đất, nhưng UBND quận K không giải quyết mà vẫn ban hành quyết định số 335/QĐ-UBND là vi phạm về trình tự, thủ tục. Kể cả trường hợp đủ căn cứ xác định di sản của cụ C và cụ T đã bị thu hồi năm 1984, thì 11,2 m² đất cụ T tạo lập năm 1992 vẫn là di sản của cụ T, nên khi thu hồi đất, vẫn phải ban hành quyết định thu hồi có tên của các đồng thừa kế của cụ T. Do UBND quận K ban hành quyết định thu hồi đất, chi trả tiền bồi thường về đất trái pháp luật, xâm phạm quyền lợi

của người khởi kiện nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hủy quyết định thu hồi đất số 335/QĐ-UBND, đồng thời buộc UBND quận K xác định lại đối tượng bị thu hồi đất và nhận tiền bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất tại số 18 Đường T cho các con của hai cụ C và cụ T theo đúng quy định của pháp luật.

** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng có quan điểm:*

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Các đương sự cơ bản đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: UBND quận K ban hành quyết định thu hồi đất số 335/QĐ-UBND đối với hộ gia đình bà Kim A là chưa hoàn toàn chính xác, vì ngoài diện tích đất 100 m² bà T đã nhận tiền đền bù để di chuyển năm 1984-1986, còn có diện tích 11,2 m² đứng tên bà T trong sổ mục kê năm 1997, được xác định đã sử dụng từ trước ngày 15/10/1993, đủ điều kiện bồi thường về đất. Số tiền bồi thường về đất nói trên sẽ là di sản thừa thừa kế của cụ T để lại cho tất cả các đồng thừa kế là người khởi kiện và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, sau đó ngày 07/8/2020, UBND quận K ban hành quyết định số 1313/QĐ-UBND về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất với diện tích 11,2 m² sử dụng đất trước ngày 15/10/1993 cho hộ bà Đỗ Thị Kim A, ông Nguyễn Mạnh H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đã khắc phục được sai sót trước đó. Như vậy, quyền và lợi ích của các đương sự trong vụ án đã được xem xét đảm bảo phù hợp qui định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu của người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thấy:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Ngày 23/7/2020 ông Nguyễn Văn P đã nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính đến Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng; yêu cầu hủy Quyết định số 335/QĐ-UBND ngày 11/3/2020 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án cải tạo, mở rộng nút giao thông ngã 5 K, phường T, quận K, Hải Phòng là còn trong thời hiệu khởi kiện, theo qui định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính. Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng thụ lý giải quyết vụ án hành chính số 59/2020/TLST-HC ngày 08 tháng 10 năm 2020 là đúng thẩm quyền qui định tại khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Đại diện UBND quận K (người bị kiện) vắng mặt và có văn bản xin xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Mạnh H, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn T đồng ý với quan điểm của ông Nguyễn Văn P và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Mạnh H, chị Nguyễn Thúy L, chị Nguyễn M (do bà Phùng Thị T đại diện) đồng ý với quan điểm của ông Nguyễn Văn P; cùng với bà Nguyễn Thị B, anh Nguyễn Duy T và anh Nguyễn Duy Q không có ý kiến gì; đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 157 và Điều 158 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

- Về nội dung:

[3] Tài liệu, chứng cứ thể hiện: Cụ Nguyễn Văn C và Trần Thị T có 10 người con tên là Nguyễn Văn T2 (đã chết), Nguyễn Mạnh H, Nguyễn Thị H (đã chết), Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T (đã chết); Nguyễn Thị Xuân (đã chết). Khi còn chung sống cụ C và cụ T có 01 căn nhà tại địa chỉ số 18 đường Đường T, phường T, quận K, Hải Phòng. Năm 1976 cụ Đỗ Văn C chết. Sau khi cụ C chết, cụ T tái hôn với cụ Đỗ Văn C và có 01 người con là bà Đỗ Thị Kim A. Đến năm 1984 khi thực hiện dự án rạp chiếu bóng, cơ quan quản lý nhà nước đã trưng dụng nhà đất tại số 18 đường Đường T (diện tích 100m²). Năm 1986, cụ T đã nhận đất di chuyển và tiền đền bù nhưng vẫn ở lại trên đất cùng và con gái là bà Kim A vì dự án rạp chiếu bóng không tiếp tục thực hiện, cơ quan quản lý không thu hồi đất. Năm 2004, cụ T chết, bà Kim A tiếp tục ăn ở tại mảnh đất trên từ đó đến nay. Ngày 11/3/2020 UBND quận K đã ban hành quyết định thu hồi đất số 335/QĐ-UBND và quyết định số 336/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ; quyết định số 1313/QĐ-UBND ngày 07/8/2020 phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho hộ bà Đỗ Thị Kim A; thu hồi 140 m² đất trên để thực hiện dự án đầu tư cải tạo, mở rộng nút giao thông ngã 5 K. Theo đó, mức bồi thường, hỗ trợ cụ thể là: 100 m² đất sử dụng từ trước năm 1980 đã nhận tiền di chuyển, nhận tiền đền bù năm 1984 không được bồi thường; 11,2 m² đất sử dụng năm 1992 đến trước ngày 15/10/1993 được bồi thường 302.400.000 đồng; 28.8 m² đất sử dụng từ sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004 được hỗ trợ 311.040.000đ; bồi thường về vật kiến trúc là 791.130.777 đồng; các khoản hỗ trợ khác 30.824.000 đồng. Các đương sự đều xác nhận hoặc không phản đối nội dung đã nêu; căn cứ Điều 79 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử xác định đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[4] Theo qui định tại khoản 2 Điều 66 Luật Đất đai, UBND cấp huyện có thẩm quyền ban hành Quyết định thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân. Về trình tự thủ tục ban hành Thông báo thu hồi đất, kiểm kê tài sản, thực hiện lấy ý kiến và

niêm yết công khai tại địa phương, ban hành các Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung, đều đúng theo qui định tại Điều 66 và Điều 69 Luật Đất đai 2013. Do đó, UBND quận K ban hành Quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất đúng qui định của pháp luật về thẩm quyền và trình tự, thủ tục.

[5] Tài liệu, chứng cứ thể hiện về nguồn gốc đất, biến động quá trình sử dụng đất và hiện trạng sử dụng thửa đất số 189 tờ bản đồ số 4-(5) (do hộ bà Đỗ Kim A đang quản lý sử dụng) diện tích 140m², trong đó có 100m² sử dụng từ năm 1973, 11,2 m² sử dụng năm 1992 đến trước ngày 15/10/1993, 28,8m² thuộc thửa đất số 183, tờ bản đồ số 301591-4-5 sử dụng từ năm 1999. Đối với 100m² sử dụng từ năm 1973 là tài sản chung của cụ C và cụ T, nhưng đã bị Nhà nước thu hồi và đã được nhận đền bù, cụ T tái chiếm đất để sử dụng, nay thu hồi không được đền bù về đất. Đối với tài sản, vật kiến trúc trên đất là của vợ chồng bà Kim A xây dựng, người khởi kiện cũng nhất trí không yêu cầu gì đối với tài sản trên đất. Như vậy, không còn di sản của cụ C và cụ T để lại cho các đồng thừa kế trên diện tích 100 m² này. Đối với diện tích 28,8m² thuộc thửa đất số 189, tờ bản đồ số 301591-4-5 do gia đình bà Đỗ Kim A tự lấn chiếm đất công, sử dụng từ năm 1999; được UBND quận K hỗ trợ khi thu hồi đất, cũng không liên quan gì đến quyền lợi của các đương sự khác. Đối với 11,2 m² sử dụng năm 1992 đến trước ngày 15/10/1993, thuộc thửa đất số 189, tờ bản đồ số 301591-4-5 (sổ mục kê năm 1997 đứng tên cụ T) tự coi nói, sử dụng; được UBND quận K đền bù về đất là 302.400.000 đồng, đây là di sản thừa kế của cụ T để lại cho các đồng thừa kế. Xét UBND quận K xác định nguồn gốc đất, quyết định bồi thường, hỗ trợ như trên là phù hợp với qui định tại Nghị định 43/2014/NĐ-CP và Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; Thông tư 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ tài nguyên-Môi trường; Quyết định số 2680/2014/QĐ-UBND ngày 03/12/2014, Quyết định số 2970/2014/QĐ-UBND ngày 25/12/2014, Quyết định số 324/2015/QĐ-UBND ngày 05/02/2015 và Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 10/01/2019 của UBND thành phố Hải Phòng.

[6] Người khởi kiện cho rằng UBND quận K ban hành quyết định thu hồi đất số 335/QĐ-UBND là không phù hợp với qui định của pháp luật, vì thửa đất trên là tài sản của vợ chồng cụ C và cụ T, nên quyết định thu hồi đất và các quyết định phê duyệt phương án bồi thường phải đứng tên các đồng thừa kế. Xét UBND quận K ban hành Quyết định số 335/QĐ-UBND ngày 11/3/2020 thu hồi đất của *hộ gia đình bà Đỗ Thị Kim A* là chưa hoàn toàn chính xác, bởi lẽ: Ngoài 100 m² đất không được bồi thường, còn có 11,2 m² đứng tên cụ T được bồi thường về đất, đây là di sản thừa kế của cụ T phải được chia cho các đồng thừa kế; nhưng theo qui định tại khoản 29 Điều 3 Luật đất đai năm 2013 thì *hộ gia đình bà Kim A* không

bao gồm các đồng thừa kế khác của cụ T. Tuy nhiên, sau đó UBND quận K đã ban hành quyết định số 1313/QĐ-UBND ngày 07/8/2020, phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ đối với 11,2 m² cho *hộ bà Đỗ Thị Kim A, ông Nguyễn Mạnh H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan sử dụng đất trước ngày 15/10/1993*. Căn cứ nhận định tại mục [5] thì Quyết định số 1313/QĐ-UBND đã khắc phục được sai sót của quyết số 335/QĐ-UBND; đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự trong vụ án, phù hợp qui định của pháp luật.

[7] Căn cứ Quyết định số 1313/QĐ-UBND, số tiền bồi thường cho 11,2m² đất là 302.400.000đ phải được giao cho hộ gia đình bà Đỗ Thị Kim A (gồm bà Kim A, ông Đồng Văn N, chị Đồng Thị Ngọc Hoa và anh Đồng Tuấn A), ông Nguyễn Mạnh H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là con của cụ T. Việc UBND quận K tự chi trả cho hộ bà Kim A một phần số tiền trên, chỉ giữ lại 186.000.000 đồng (tương đương 62% tổng số tiền bồi thường) trong Kho bạc để trả lại cho các đồng thừa kế còn lại là chưa đúng qui định tại Điều 30 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ. Lẽ ra toàn bộ số tiền trên phải được gửi vào kho bạc để các đương sự tự phân chia, nếu có tranh chấp thì giải quyết bằng một vụ án dân sự khác. Tuy nhiên, bà Kim A đã có đơn xin được nhận trước số tiền trên để tạm thời ổn định cuộc sống thì sẽ bàn giao mặt bằng ngay, để đảm bảo tiến độ của dự án UBND quận K đã chi trả 38% số tiền cho hộ bà Kim A là có cơ sở, bởi lẽ: Cụ T và bà Kim A cùng có công trong việc coi sóc và quản lý, sử dụng 11,2m² đất trên từ năm 1992, đến nay là gần 30 năm (cụ Nguyễn Văn C chết năm 1976, nên đây không phải là di sản của C), các người con khác của cụ T không có ai trực tiếp ăn ở trên đất và đóng góp công sức như bà Kim A, nên có thể xác định công sức đóng góp của bà Kim A gần tương đương cụ T; trường hợp các người con khác của cụ T không đồng ý thì có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác để phân chia số tiền 302.400.000 đồng nói trên, nếu số tiền 186.000.000 đồng còn lại không đủ phân chia cho các đồng thừa kế thì bà Kim A có nghĩa vụ bù trừ theo đúng qui định của pháp luật.

[8] Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc UBND quận K ban hành các quyết định hành chính đã cơ bản đảm bảo quyền lợi của người khởi kiện và các người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khác trong vụ án. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện về việc tuyên hủy quyết định thu hồi đất số 335/QĐ-UBND ngày 11/3/2020 của UBND quận K, đồng thời buộc UBND quận K ban hành quyết định thu hồi đất, xác định lại đối tượng bị thu hồi đất và nhận tiền bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất đối với diện tích nhà đất tại số 18 Đường T cho các con của hai cụ Nguyễn Văn C và Trần Thị T.

[9] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên, ông Nguyễn Văn P phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

- Căn cứ các điều 66, 67, 69 và 75 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P về việc yêu cầu tuyên hủy quyết định thu hồi đất số 335/QĐ-UBND ngày 11/3/2020 của UBND quận K, đồng thời buộc UBND quận K ban hành quyết định thu hồi đất xác định lại đối tượng bị thu hồi đất và nhận tiền bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất đối với diện tích nhà đất tại số 18 Đường T đối với các con của hai cụ Nguyễn Văn Chính và Trần Thị T.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn P phải nộp 300.000đ án phí hành chính sơ thẩm, số tiền này ông P đã nộp đủ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0019010 ngày 08/10/2020 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

- *Về quyền kháng cáo:* Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Minh Hạnh

